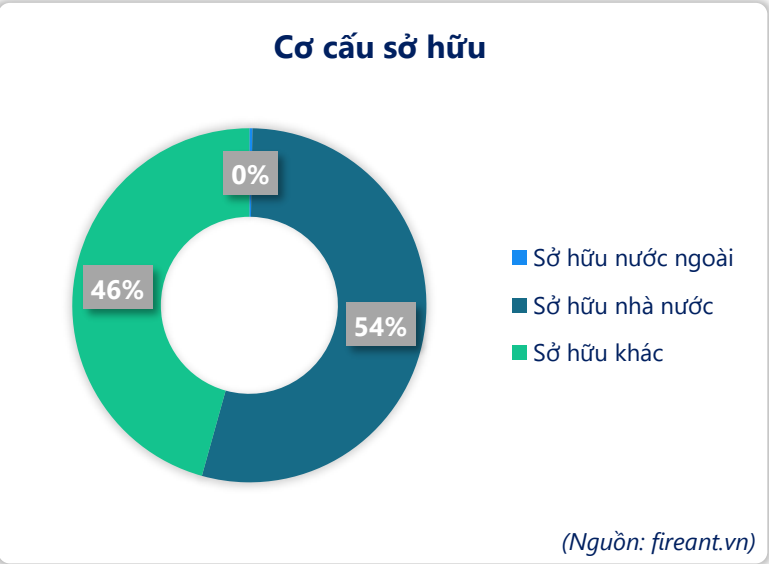
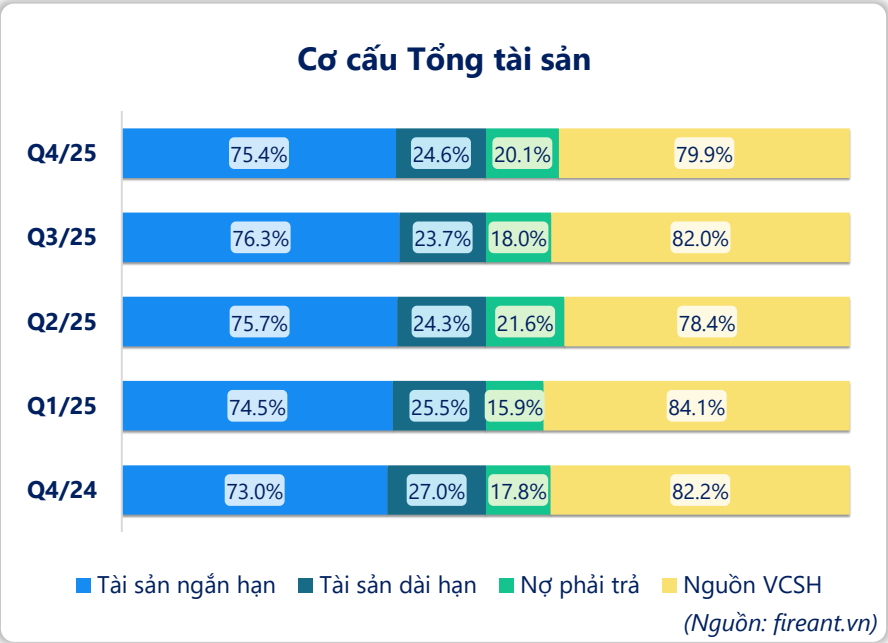
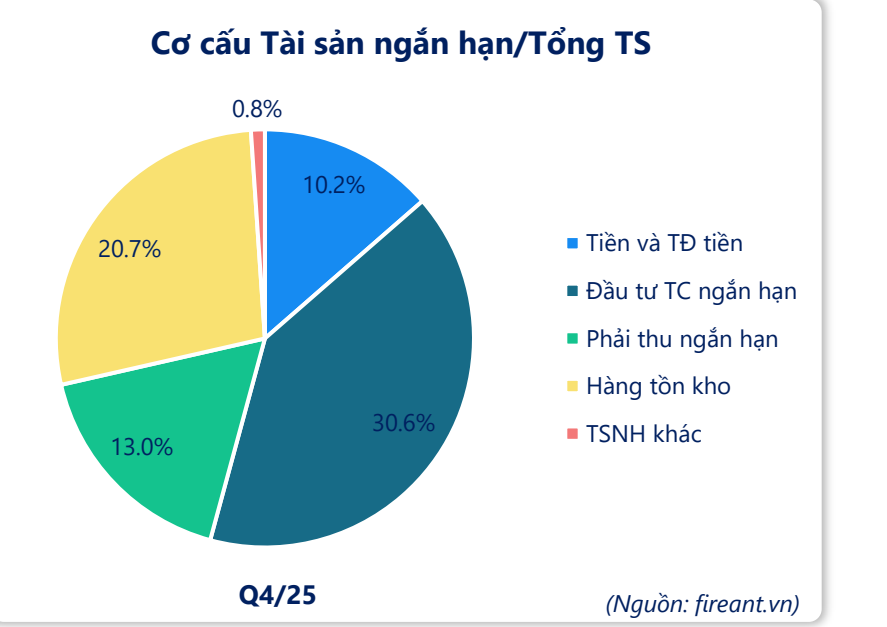
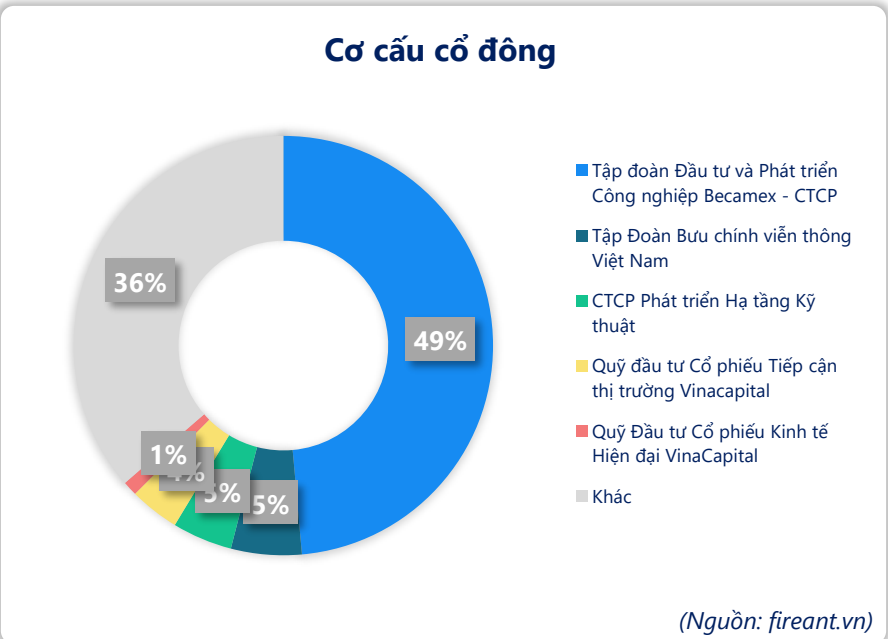
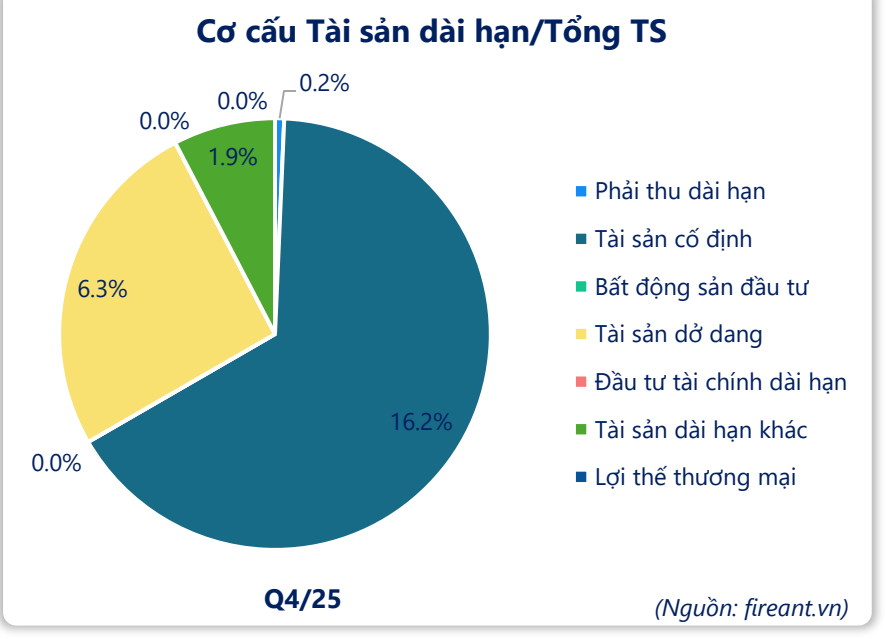
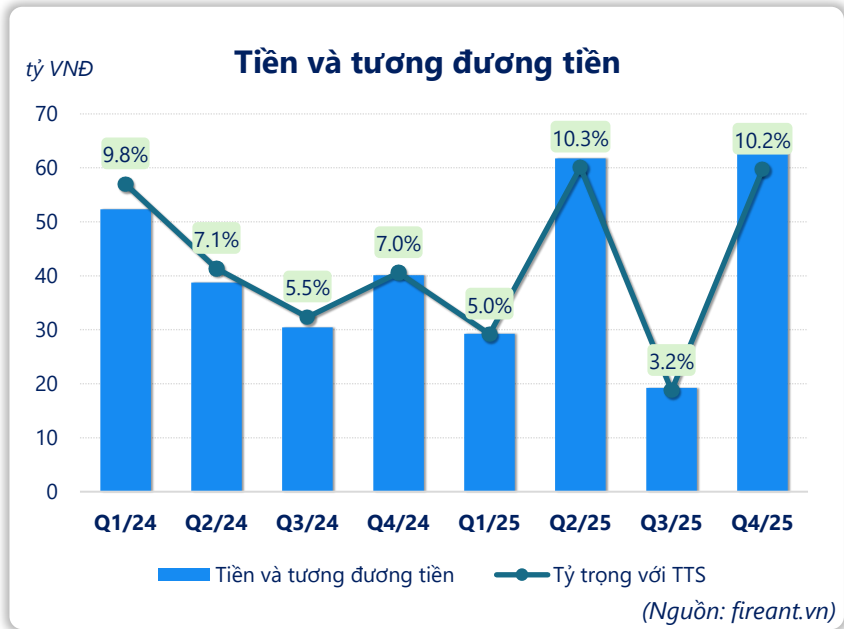
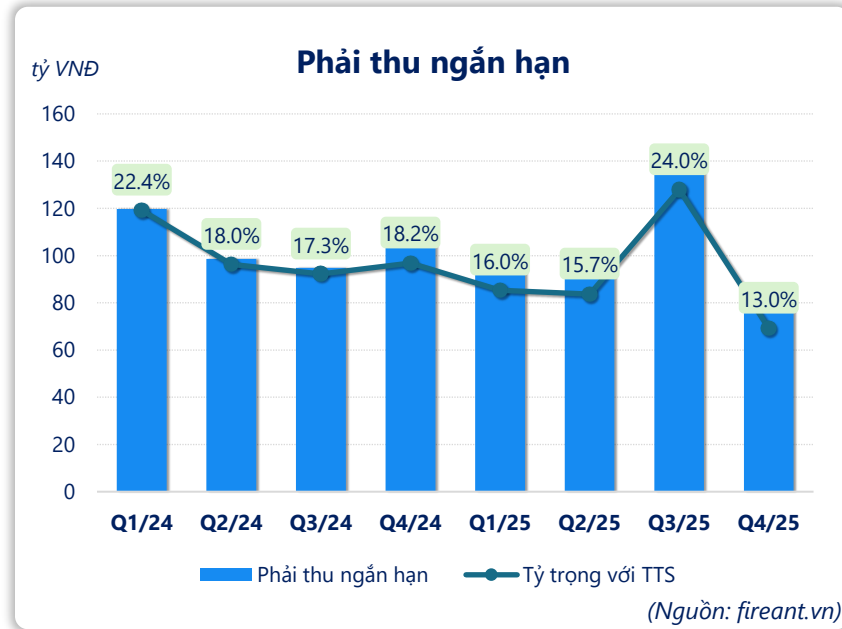
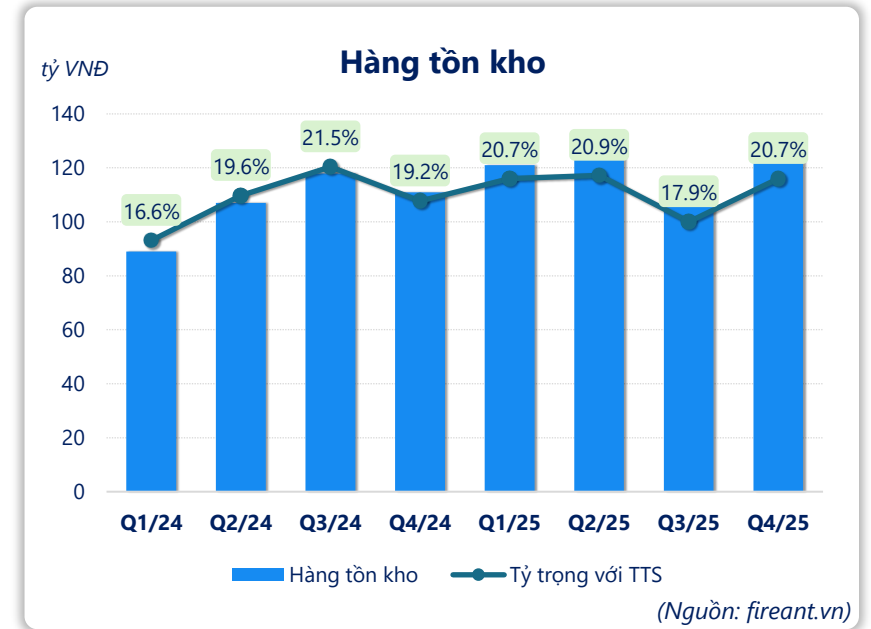
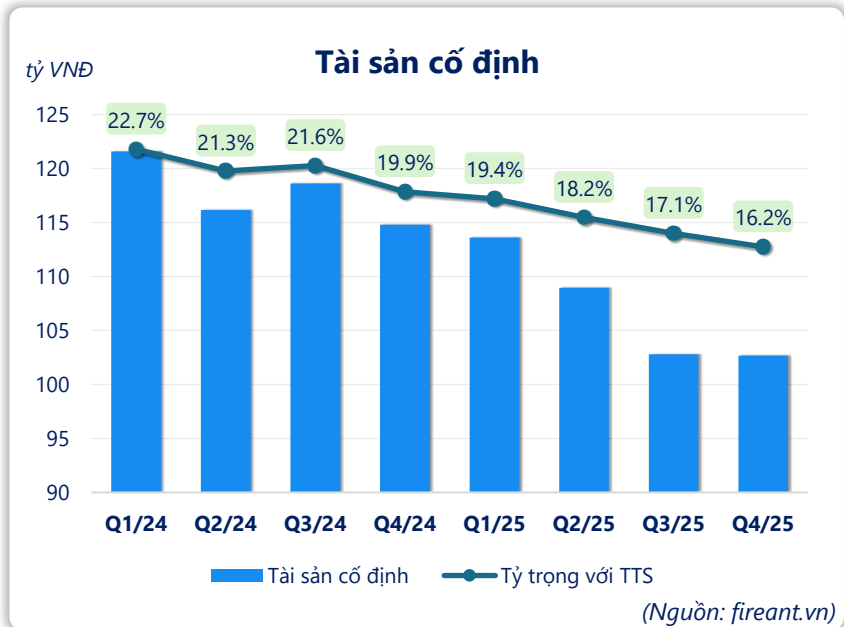
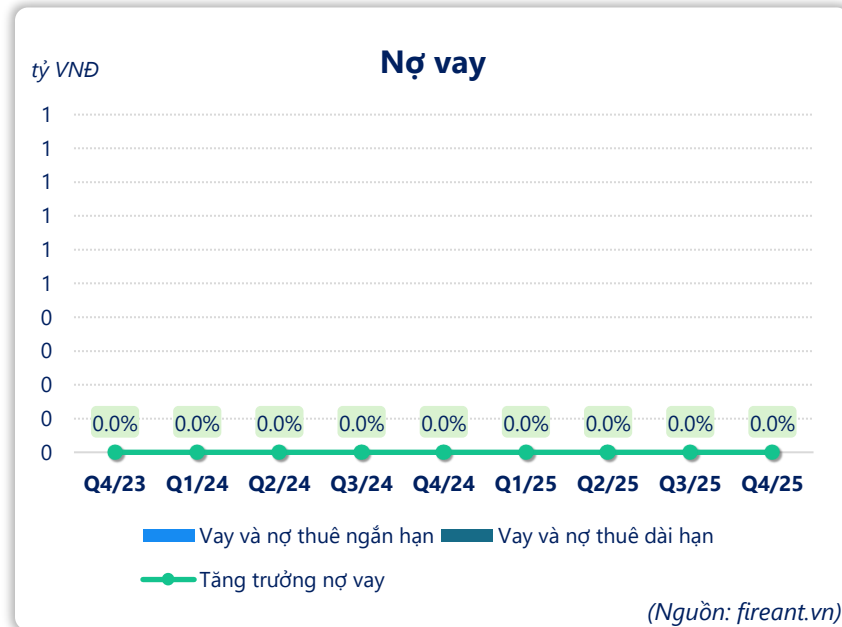
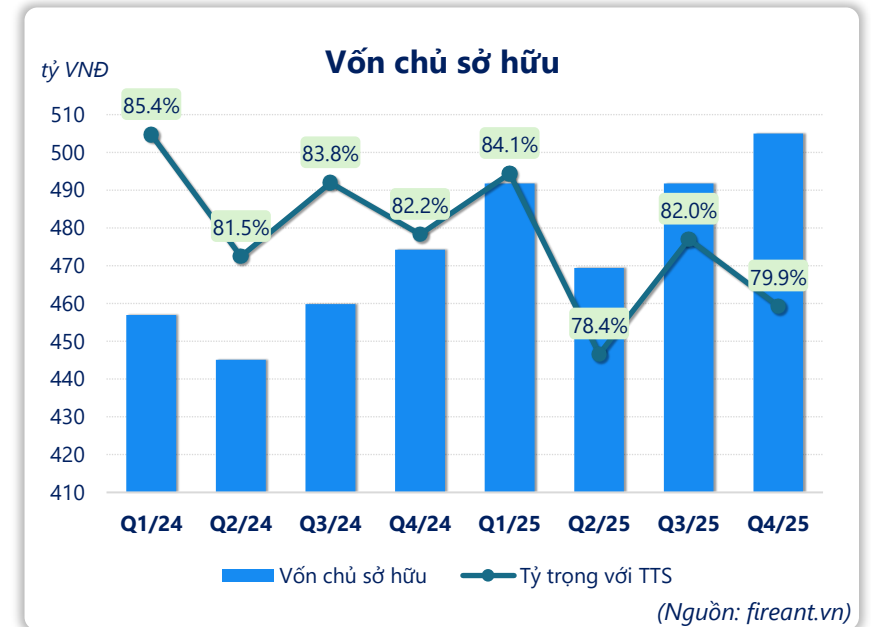
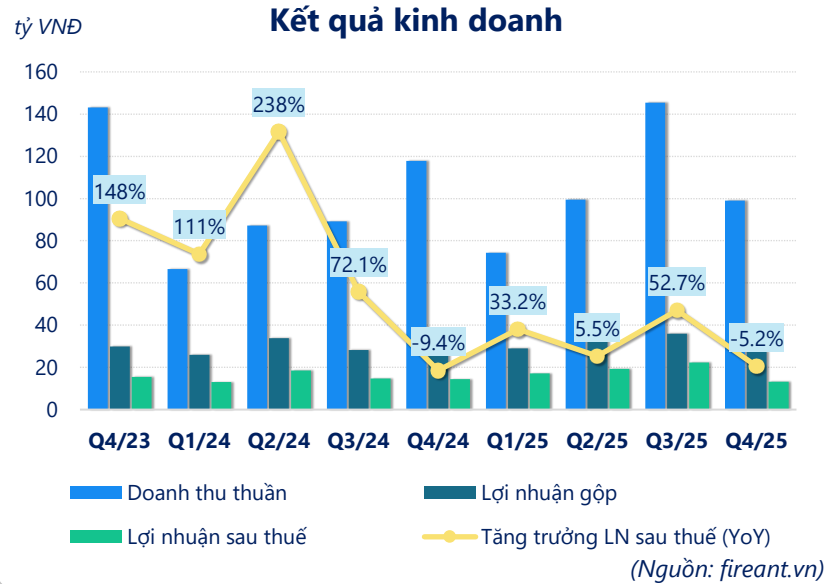
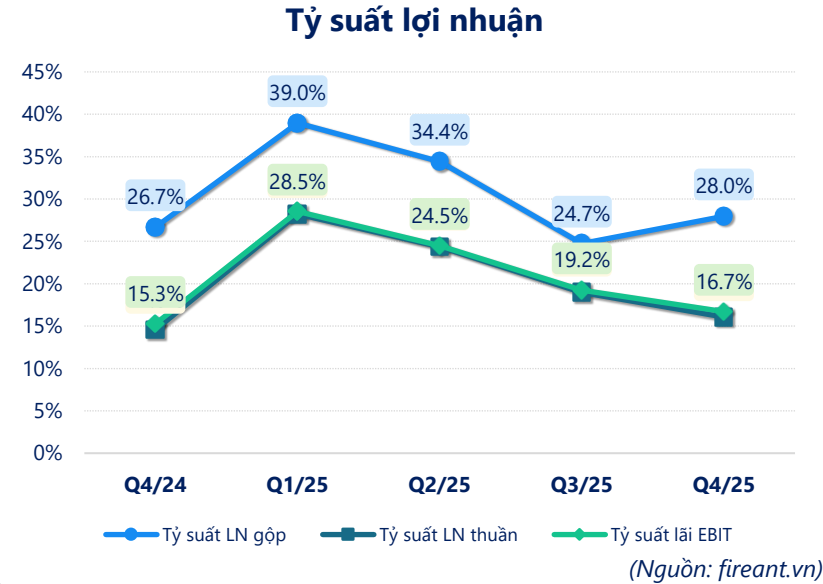
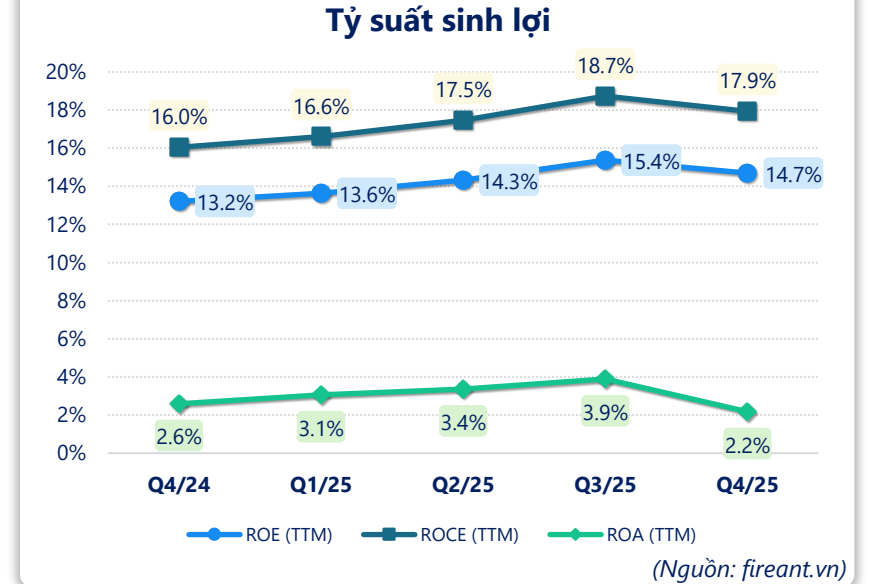
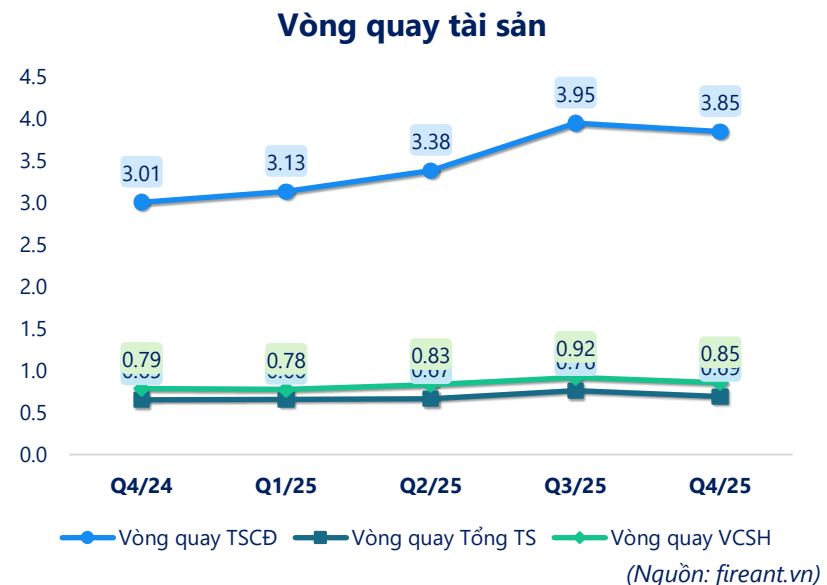
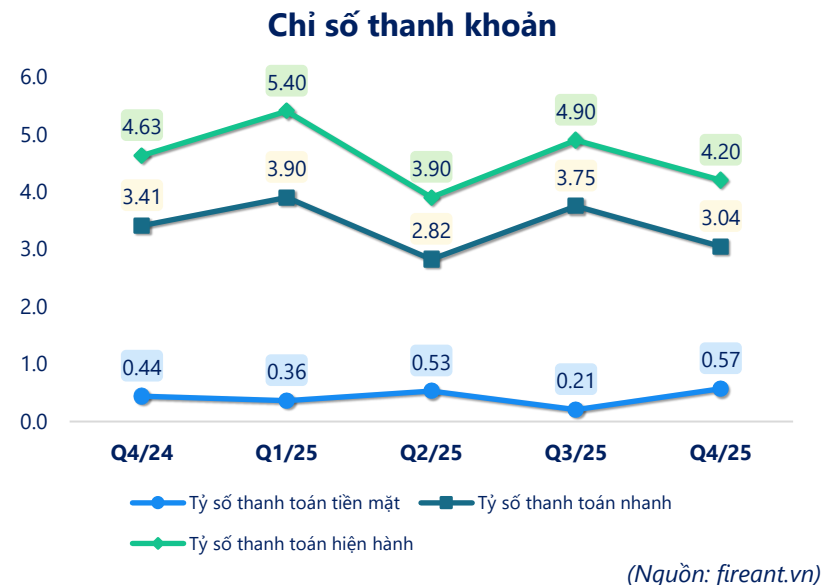
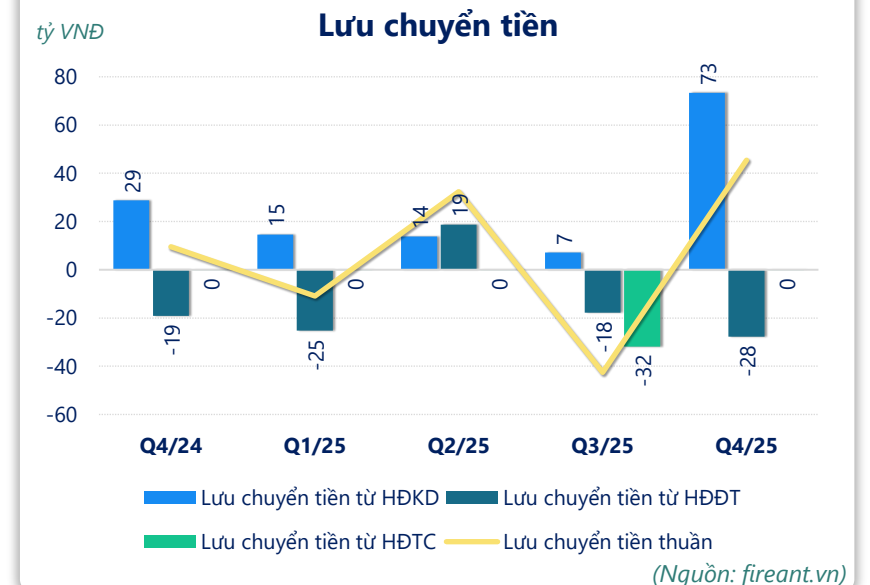


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,890
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,540
SL cổ phiếu LH		36,727,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)		107,305
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		624
P/E		8.7
EPS		1,958

	YTD	1T	3T	6T
TTN	-21.2%	-5.0%	0.6%	-5.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	632	577	9.5%
Tài sản ngắn hạn	476	421	13.1%
Tiền và tương đương tiền	64.7	40.1	61.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	194	163	19.1%
Phải thu ngắn hạn	82.0	105	-21.7%
Hàng tồn kho	131	111	18.0%
Tài sản ngắn hạn khác	5.11	2.83	80.2%
Tài sản dài hạn	156	156	-0.1%
Phải thu dài hạn	1.07	0.24	345%
Tài sản cố định	103	115	-10.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	40.0	32.5	23.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	11.9	8.25	44.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	127	102	24.0%
Nợ ngắn hạn	113	90.6	25.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	47.8	35.8	33.6%
Nợ dài hạn	13.5	11.7	14.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	505	475	6.4%
Vốn chủ sở hữu	505	475	6.4%
Vốn điều lệ	367	367	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	118	74.4	99.4	145	99.0
Giá vốn hàng bán	86.4	45.4	65.2	109	71.3
Lợi nhuận gộp	31.4	29.0	34.2	36.0	27.7
Doanh thu HĐTC	1.76	1.93	2.45	2.23	2.50
Chi phí TC	0.00	0	0.00	0	0.01
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.19	3.85	4.22	4.22	5.89
Chi phí QLDN	9.83	6.07	8.20	6.42	8.38
LN thuần từ HĐKD	17.2	21.0	24.2	27.6	15.9
Lợi nhuận khác	0.82	0.23	0.09	0.40	0.64
LN trước thuế	18.0	21.2	24.3	28.0	16.5
Lợi nhuận sau thuế	14.4	17.1	19.3	22.3	13.2
LNST của CĐ cty mẹ	14.4	17.1	19.3	22.3	13.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	28.7	14.5	13.7	7.14	73.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-19.1	-25.2	18.7	-17.9	-27.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.16	-0.22	-0.10	-31.8	-0.18
Tiền đầu kỳ	30.4	40.1	29.3	61.7	19.3
Lưu chuyển tiền thuần	9.48	-10.9	32.3	-42.6	45.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0.21	0.04	0.16	0.09	0.04
Tiền cuối kỳ	40.1	29.3	61.7	19.3	64.7

(Nguồn: fireant.vn)